

Số: /2025/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khoảng cách, địa bàn và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh, học viên trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định quy định khoảng cách, địa bàn và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh, học viên trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh, học viên trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Khoảng cách, địa bàn và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh, học viên

1. Khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

a) Đối với học sinh tiểu học và trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

Trường hợp địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, được xác định: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 1 km trở lên đối với học sinh tiểu học và 1,5 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

b) Đối với học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên.

Trường hợp địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, được xác định: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 2 km trở lên.

c) Đối với học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

Trường hợp địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, được xác định: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 1,5 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và 2 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại điểm c, khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

a) Trang cấp đồ dùng cá nhân:

Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật một số đồ dùng cá nhân: Chăn, màn, gối, áo khoác, chiếu, ba lô đựng quần áo, dù cầm tay hoặc áo đi mưa và một số đồ dùng cá nhân khác.

b) Mỗi năm học, học sinh được cấp 02 bộ quần áo đồng phục và một số học phẩm: Vở, giấy, bút, cặp học sinh, bộ compa, thước đo độ, thước kẻ, bìa bọc đóng vở, giấy màu thủ công, hộp bút màu sáp, kéo, cục tẩy, bút chì đen, hồ dán.

3. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này tại các đơn vị, địa phương; thường xuyên báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định, kịp thời đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoặc điều chỉnh, bổ sung Quyết định cho phù hợp (nếu có).

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ...tháng...năm 2025 và thay thế các Quyết định sau đây của UBND tỉnh: Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 sửa đổi, bổ sung tiêu đề và một số nội dung Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc quy định điều kiện học sinh trên địa bàn tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ và mức khoán kinh phí hỗ trợ nấu ăn cho học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, K9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang